

B/8-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/2026

Group 48
Round 8
Board 1

WHITE Sodhilegt, Naranhbold						FED MGL		RESULT (W) 1/2			
BLACK Hany, Mingron						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	~~Kf2~~	Nd7	41			61		
2	c4	e6	22	g4	Nd5	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	cl	Pc4	43			63		
4	e3	oo	24	Ra8	Ra8	44			64		
5	Bb3	d5	25	Rcl	Rf5	45			65		
6	a3	Bc3	26	Nd4	Bc6	46			66		
7	bc	dc	27	Ncb	kc	47			67		
8	Bc4	c5	28	Rc6	Rf8	48			68		
9	Ne2	Qc7	29	ke3	b5	49			69		
10	Bd3	Ncb	30	Rc3	fb	50			70		
11	oo	e5	31	bd4	gs	51			71		
12	e4	cd	32	fs	hs	52			72		
13	cd	ed	33	es	b4	53			73		
14	fh	Nq4	34	Rb3	Rf5	54			74		
15	h3	Ne1	35	g4	Rc7	55			75		
16	Rb	dc	36	Nb4	h7	56			76		
17	Qcl	Rd8	37	h7	Kf7	57			77		
18	Qe3	Qb6	38	Nb7	Kf8	58			78		
19	Bb6	ab	39	Rc7	Ke9	59			79		
20	Bb5	beb	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

B/8-8-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/2026

Group 018
Round 8
Board 1

WHITE N. Sodhilegt.						FED MGL		RESULT (W) 1/2			
BLACK Hong Mingren						FED CHN		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6.	21	Kf2.	Nd7.	41			61		
2	c4	e6	22	a4	Nb5	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	Qb	Bc4.	43			63		
4	e3	o.o.	24	Ra8	Ra8.	44			64		
5	Bd3	d5.	25	Re1.	Bb5 /	45			65		
6	a3	Bc3	26	Nd4	Bc6.	46			66		
7	b6	dc	27	Nc6	bc -	47			67		
8	Bc4	c5	28	Kc6	Nb8.	48			68		
9	Ne2.	Qc7.	29	Kc3.	b5.	49			69		
10	Bd3	Nc6.	30	Re3	fb.	50			70		
11	o.o.	e5.	31	Kd4.	q5.	51			71		
12	e4.	cd.	32	F5.	h5.	52			72		
13	cd.	ed.	33	e5.	b4	53			73		
14	f4.	Nq4.	34	Rb3.	Rb5	54			74		
15	h3	Nc3	35	q4.	Re5.	55			75		
16	Bc3	dc	36	Rb4	h4.	56			76		
17	Qc1	Rd8	37	h4.	Kf7.	57			77		
18	Qc3	Qb6.	38	Rb7	Kf8.	58			78		
19	Rb6	ab.	39	Re7.	Kc8.	59			79		
20	Bb5	Bc6.	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.8.23

Group V18
Round 8
Board 2

WHITE Tran Ngoc Minh Duy						FED VIE			RESULT (W) 1		
BLACK Wang Puxuan						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	b e2	a c7	41	p u8	N g6	61		
2	N f3	g6	22	R c1	N d7	42	R h7	L i8	62		
3	d4	c d4	23	b y7	K y7	43	R y4	N h4	63		
4	N d4	N c6	24	u d2	N e5	44	h n7	e l	64		
5	L4	N f6	25	b d1	b5	45	h l6		65		
6	N c3	d6	26	b h5	b c4	46			66		
7	B e2	N d4	27	R . e4	R h8	47			67		
8	u d4	b y7	28	B e2	u c5	48			68		
9	B e3	o-o	29	R c3	f6	49			69		
10	o d2	a5	30	y3	K f7	50			70		
11	o-o	a4	31	K y2	y8	51			71		
12	B d4	Q a5	32	h y5	R h7	52			72		
13	R a d1	B d7	33	R f e4	R h2	53			73		
14	Q e3	b c6	34	K h2	u f2	54			74		
15	N d5	B d5	35	h h3	K h8	55			75		
16	e d5	R e8	36	R h4	M f3	56			76		
17	h4	b5	37	u f2	Q h2	57			77		
18	u3	z c7	38	K y4	N e5	58			78		
19	R e e1	u d7	39	K y3	a g2	59			79		
20	B g3	R u c8	40	R c f4	Q g3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M			W			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group V18
Round 8
Board 2

WHITE Tran Ngoc Minh Duy						FED VIE			RESULT (W) 1		
BLACK Wang Puxuan						FED CHN			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 ³⁰	c5 ³⁰	21	Q e2 ⁴⁵	Q c7 ³⁵	41	R h8	N g6	61		
2	N f3 ³¹	g6 ³¹	22	R c1 ³⁹	N d7 ²⁶	42	R h7	K g8	62		
3	d4	c d	23	B g7	K g7 ²⁷	43	R g4	N h4	63		
4	N d4	N c6 ³²	24	Q d2	N e5 ²⁶	44	R h44	e6	64		
5	c4	N f6 ³¹	25	B d1 ³¹	b5 ¹⁹	45	K g6		65		
6	N c3	d6 ³²	26	B h5	b c ¹⁷	46			66		
7	B e2	N d4 ³¹	27	R e4	R h8 ¹⁶	47			67		
8	Q d4	B g7	28	B e2	Q c5 ¹⁴	48			68		
9	B e3	o-o	29	R c3 ³⁰	f6 ¹¹	49			69		
10	Q d2	a5	30	g3 ²⁸	K f7	50			70		
11	o-o	a4	31	K g2	g5 ⁹	51			71		
12	B d4 ²⁸	Q a5 ²⁹	32	h g ¹⁴	R h7 ⁶	52			72		
13	R a d1 ²⁷	B d7 ²⁵	33	R c c4	R h2	53			73		
14	Q e3	B c6 ⁴	34	K h2	Q f2	54			74		
15	N d5 ²⁶	B d5 ³	35	K h3	R h8	55			75		
16	e d	R f e8 ¹	36	R h4	N f3	56			76		
17	h4	h5 ⁵⁷	37	Q c2	Q h2	57			77		
18	a3 ¹¹	Q c7 ⁵⁵	38	K g4	N e5	58			78		
19	R f e1 ⁷	Q d7 ⁵⁴	39	K f5	Q f2	59			79		
20	B f3 ⁵³	R a c8 ⁴²	40	R c f4	Q g3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
M			W			[Signature]					

B18-8-3

B208

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
28.8.2026Group
C18
Round
8
Board
3

WHITE Genivan Genkswaran						FED MAS			RESULT (W) 0		
BLACK Kao Namisan Edrich						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bxf6	Bxf6	41	nc3	nc1	61	nc3	nc4
2	c4	g6	22	05	Bxf7	42	nc1	nc6	62	nc3	nc7
3	nc3	Bg7	23	Ng3	nc5	43	c3	nc3	63	nc6	nc4
4	e4	d6	24	bxcs	nc9	44	nc1	nc4	64	nc8	nc3
5	f3	a6	25	Nf6	Bx1a	45	Bxc4	nc2	65	nc8	nc3
6	Ngc2	b5	26	gxf6	nc4	46	nc3	nc4	66	nc7	nc4
7	cxf5	axc4	27	f4	nc8	47	nc4	nc4	67	nc8	nc4
8	Nxb5	c6	28	f5	g3	48	nc3	nc4	68	nc8	nc7
9	Nbc3	Bc3	29	nc1	nc3	49	nc1	nc3	69	nc8	nc4
10	Nb1	Ng3	30	Rf3	nc3	50	nc1	nc3	70	nc9	nc4
11	h3	Bh3	31	Rh3	Bc6	51	nc4	nc3	71	nc4	nc4
12	h4	Ngc2	32	Rh8	Bef	52	nc4	nc3	72	nc9	nc4
13	h3	g4	33	Bc8	axc4	53	nc3	nc4	73	nc6	nc7
14	e3	0-0	34	Reh1	axc6	54	nc1	nc3	74	nc7	nc7
15	13	axc2	35	Rd	nc6	55	nc2	nc3	75	nc8	nc7
16	axc2	c5	36	nc	nc8	56	nc3	nc3	76	nc9	nc4
17	Bg5	exd6	37	nc3	nc7	57	nc	nc3	77	nc6	nc6
18	Nf6	Bxf7	38	nc3	nc4	58	nc	nc4	78	nc	nc3
19	Bc4	nc5	39	nc4	nc4	59	nc	nc4	79		
20	b3	axc4	40	nc	nc2	60	nc2	nc3	80		
SIGNATURE (WHITE) C204			SIGNATURE (BLACK) 2			SIGNATURE (ARBITER) F2					

B18-8-3

B208

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
28.8.2026Group
C18
Round
8
Board
3

WHITE Genkes Woren Genlon						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Tanisan Cao						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	bxf6	bxf6	41	nc3	nc1	61	nc3	nc4
2	c4	g6	22	05	bog7	42	nc1	nc6	62	nc3	nc7
3	nc3	Bg7	23	nc3	nc4	43	c3	nc3	63	nc6	nc4
4	e4	d6	24	bxf6	bxf6	44	nc1	nc4	64	nc8	nc3
5	f3	a6	25	Nf6	Bx1a	45	Bxc4	nc2	65	nc8	nc3
6	Ngc2	b5	26	gxf6	nc4	46	nc3	nc4	66	nc7	nc4
7	cxf5	axc4	27	f4	nc8	47	nc4	nc4	67	nc8	nc4
8	Nxb5	c6	28	f5	g3	48	nc3	nc4	68	nc8	nc7
9	Nbc3	Bc3	29	nc1	nc3	49	nc1	nc3	69	nc8	nc4
10	Nb1	Ng3	30	Rf3	nc3	50	nc1	nc3	70	nc9	nc4
11	h3	Bh3	31	Rh3	Bc6	51	nc4	nc3	71	nc4	nc4
12	h4	Ngc2	32	Rh8	Bef	52	nc4	nc3	72	nc9	nc4
13	h3	g4	33	Bc8	axc4	53	nc3	nc4	73	nc6	nc7
14	e3	0-0	34	Reh1	axc6	54	nc1	nc3	74	nc7	nc7
15	13	axc2	35	Rd	nc6	55	nc2	nc3	75	nc8	nc7
16	axc2	c5	36	nc	nc8	56	nc3	nc3	76	nc9	nc4
17	Bg5	exd6	37	nc3	nc7	57	nc	nc3	77	nc6	nc6
18	Nf6	Bxf7	38	nc3	nc4	58	nc	nc4	78	nc	nc3
19	Bc4	nc5	39	nc4	nc4	59	nc	nc4	79		
20	b3	axc4	40	nc	nc2	60	nc2	nc3	80		
SIGNATURE (WHITE) C204			SIGNATURE (BLACK) 2			SIGNATURE (ARBITER) F2					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-28-26

Group
Round 8
Board 4

WHITE Casiguran, Phil						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Cu Ivan Travis						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rh1	Nf5	41			61		
2	d4	d5	22	Qb4	h6	42			62		
3	Nc3	Jxe4	23	Rg4	Nf6	43			63		
4	Nxe4	Nd7	24	Rh3	a5	44			64		
5	Nf3	N3f6	25	Qe1	Nb5	45			65		
6	Nc7	Nb6	26	c3	c4	46			66		
7	Rh4	g4	27	g4	c5	47			67		
8	Qe2	c6	28	g5	cxh4	48			68		
9	h3	g4	29	a1	Qe1	49			69		
10	Rd3	Rd6	30	gxh6	Nc3	50			70		
11	Rd6	Qd6	31	Ke1	Nd1	51			71		
12	Qd3	O-O	32	Lg2	Nc5	52			72		
13	O-O-O	Nb5	33	Qd1	Rc7	53			73		
14	h4	Rd6	34			54			74		
15	Kb1	Nd5	35	O-O		55			75		
16	Qe3	Rd7	36			56			76		
17	Rd3	Rd8	37			57			77		
18	g3	Qc7	38			58			78		
19	a3	Nb5	39			59			79		
20	Qd3	Nc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
Round 8
Board 4

WHITE Phil Casiguran						FED PHI			RESULT (W) 0		
BLACK Ivan Travis Cu						FED PHI			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Rh1	Nf5	41			61		
2	d4	d5	22	Qb4	h6	42			62		
3	Nc3	Jxe4	23	Rg4	Nf6	43			63		
4	Nxe4	Nd7	24	Rh3	a5	44			64		
5	Nf3	N3f6	25	Qe1	Nb5	45			65		
6	Nc7	Nb6	26	c3	c4	46			66		
7	Rh4	g4	27	g4	c5	47			67		
8	Qe2	c6	28	g5	cxh4	48			68		
9	h3	g4	29	a1	Qe1	49			69		
10	Rd3	Rd6	30	gxh6	Nc3	50			70		
11	Rd6	Qd6	31	Ke1	Nd1	51			71		
12	Qd3	O-O	32	Lg2	Nc5	52			72		
13	O-O-O	Nb5	33	Qd1	Rc7	53			73		
14	h4	Rd6	34			54			74		
15	Kb1	Nd5	35	O-O		55			75		
16	Qe3	Rd7	36			56			76		
17	Rd3	Rd8	37			57			77		
18	g3	Qc7	38			58			78		
19	a3	Nb5	39			59			79		
20	Qd3	Nc7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28/8

Group 178
Round 8
Board 5

WHITE Pu Yu						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Chan Wang Zhi						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd4	h5	41	Qd5	Qa2	61		
2	Ng5	e6	22	h3	Rb8	42	kg1	Qe6	62		
3	Nf3	d5	23	Rd2	Rb7	43	Qe4	Qb3	63		
4	g3	Bb4	24	kg2	Rf8	44	Qe5	Qe2	64		
5	Rd2	a5	25	Nd4	Rb7	45	Qe7	Qa1	65		
6	Bg2	a7	26	Re1	Rd8	46	Kh2	Qb2	66		
7	Qc2	a5	27	Rd8	Bd7	47	kg1	Qd4	67		
8	dxc5	d4	28	Nb6	Re7	48	lcs2	g6	68		
9	O-O	Bx	29	Nc4	ax	49	Qb7	kg7	69		
10	Nes	Rd6	30	Nb6	ax	50	h4	a3	70		
11	Nd3	e5	31	Nes	Re4	51	h5	Qb2	71		
12	e4	dxc5	32	Qe4	Rb2	52			72		
13	fxc3	Bxc6	33	Kf2	Rb5	53			73		
14	c5	Qc7	34	Re2	Re2	54			74		
15	Nc3	g4	35	lcf1	Re2	55			75		
16	a3	Qd7	36	Re2	Qb1	56			76		
17	Nf2	Nf5	37	bon	gbb	57			77		
18	Rd1	b6	38	Rd5	Qe5	58			78		
19	Qd4	Qb6	39	Qh5	Qd7	59			79		
20	Rd3	Qe6	40	Kh2	Re5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Yu			Chan Wang Zhi			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28/8

Group
Round 8
Board 5

WHITE Pu Yu						FED			RESULT (W) 0		
BLACK Chan Wang Zhi Boris						FED			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rd4	h5	41	Qd5	Qa2	61		
2	c4	e6	22	h3	Qa6	42	Qd1	Qe6	62		
3	Nf3	d5	23	Qd2	Rb7	43	Qe4	Qb3	63		
4	g3	Bb4	24	kg2	Rf8	44	Qe5	Qa3	64		
5	Bd2	a5	25	Nd4	Rb7	45	Qc7	Qa1	65		
6	Bg2	O-O	26	Qe1	Rd2	46	Kh2	Qb2	66		
7	Qc2	c5	27	Rxd8	Rd2	47	kg1	Qh4	67		
8	dxc5	d4	28	Nb6	Re7	48	kg2	Rb	68		
9	O-O	Bxc5	29	Nc4	a5	49	Qb7	kg7	69		
10	Nes	Rd6	30	Nb6	Rxe4	50	h4	a3	70		
11	Nd3	e5	31	Nes	Rxe4	51	h5	Qb2	71		
12	e4	dxc5	32	Qe4	Rb2	52			72		
13	fxc3	Bxc6	33	Kf2	Rb5	53			73		
14	c5	Qc7	34	Re2	Re2	54			74		
15	Nc3	g4	35	lcf1	Re2	55			75		
16	a3	Qd7	36	Re2	Qb1	56			76		
17	Nf2	Nf5	37	bon	gbb	57			77		
18	Rd1	b6	38	Rd5	Qe5	58			78		
19	Qd4	Qb6	39	Qh5	Qd7	59			79		
20	Rd3	Qe6	40	Kh2	Re5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Pu Yu			Chan Wang Zhi			[Signature]					

B18-8-6 11:58
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08.28

Group B18
Round 8
Board 6

WHITE <i>Narzabal Joemel</i>						FED <i>PKI</i>			RESULT (W) <i>1</i>		
BLACK <i>Liu Kongsuon</i>						FED <i>CHN</i>			RESULT (B) <i>0</i>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qd2	c3	41			61		
2	c4	e6	22	Qd3	Rb8	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	f4	Qc7	43			63		
4	+3	c5	24	d6	Qc5	44			64		
5	d5	O-O	25	Kh1	h4	45			65		
6	Bd2	d6	26	axb4	axb4	46			66		
7	g3	Bxc3	27	e8	Qc6	47			67		
8	Bxc3	exd5	28	Nh5	Qb4	48			68		
9	exd5	b5	29	Nh7	Kxg7	49			69		
10	e4	a6	30	Qg3	Rg8	50			70		
11	b1/3	Re8	31	Ra7	Kf8	51			71		
12	Ne2	Nb4	32	Qh4	Re8	52			72		
13	O-O	Ne5	33	Qh6	Rg7	53			73		
14	Nb3	Nd3	34	Qh8	Rg8	54			74		
15	Qd3	a5	35	Kxf7		55			75		
16	h4	h5	36			56			76		
17	bxc5	dxc5	37			57			77		
18	Bxf6	Qxf6	38			58			78		
19	Nh5	Qe5	39			59			79		
20	Nf3	e4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>[Signature]</i>			<i>[Signature]</i>			<i>[Signature]</i>					

B18-8-6 11:58
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date Aug 28

Group B18
Round 8
Board 6

WHITE						FED			RESULT (W)		
Narzabal, Joemel						PH			1		
BLACK						FED			RESULT (B)		
Liu, Hongkuan						Chn			0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd2	c3	41			61		
2	c4	e6	22	Bd3	Kb8	42			62		
3	Nc3	Bb4	23	f4	Bc7	43			63		
4	p3	c5	24	d6	Qc5	44			64		
5	d5	O-O	25	Kh1	b5	45			65		
6	Bd2	d6	26	a4	a6g	46			66		
7	a3	Bxc3	27	e4	Qc6	47			67		
8	Bxc3	exd5	28	Nh5	Ng4	48			68		
9	c4	b5	29	Ng7	Kg7	49			69		
10	e4	a6	30	g3	Rg8	50			70		
11	Bf3	Re8	31	Ra7	Kf8	51			71		
12	Nc2	Nb4	32	Qh4	Re8	52			72		
13	O-O	Ne5	33	b4	Rg7	53			73		
14	Ng3	Nd3	34	Qh8	Rg8	54			74		
15	Qd3	a5	35	Rg7		55			75		
16	b4	h5	36			56			76		
17	bxc5	dxc5	37			57			77		
18	Bxf6	Qxf6	38			58			78		
19	Nh5	Qe5	39			59			79		
20	Nf3	c4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28

Group B18
Round 8
Board 7

WHITE Yu Zechen						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Hong Junwon						FED KOR			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	Rf8	41	Ne5	Kg7	61	Kc4	Be8
2	Nf3	Nc6	22	Bc2	Bxf2	42	Kg3	Bb7	62	Kd4	Kc6
3	Bc4	Nf6	23	Kxf2	Qd5	43	Ng4	Qe7	63	Nc4	Kc7
4	d3	Be7	24	Qd2	Qh4	44	es	Qd6	64	Nd6	Bxa4
5	c3	d5	25	f9	Bb5	45	Qxg5	Qxg5	65	Lxf7	g4
6	exd5	Nxd5	26	Qf2	Qd5	46	E6	Kh7	66	Ne5	Bb3
7	h3	O-O	27	f4	Qh5	47	h5	Ne5	67	f7	
8	O-O	Nb6	28	Nd2	Bxd3	48	Oxc4	Kg8	68		
9	Bb5	Nb8	29	Nf3	Be4	49	Nd7	Bc6	69		
10	Re1	a6	30	Rxd8	Rxd8	50	Lxh6	a5	70		
11	Bc6	Nxa4	31	Ng5	Rd4	51	cs	Kf8	71		
12	Qxa4	Nc6	32	Rd1	Qd1	52	Ke2	Ke8	72		
13	Nxe5	Nxe5	33	Ke2	Bc6	53	Q3	Kd8	73		
14	Rxe5	Bd6	34	Qa7	Qd8	54	Ke3	Ke7	74		
15	Re1	Bd7	35	Qe3	h6	55	Kd4	Be8	75		
16	Qd1	Qf6	36	Nf3	Qd5	56	Kd5	Bc7	76		
17	Be3	Qg6	37	b3	g3	57	g5	h6	77		
18	Kf1	Bc6	38	c4	Qe4	58	h6	Kd4	78		
19	f3	Rd8	39	Qd2	Kh7	59	Be3	Kd5	79		
20	Qc2	Be3	40	a4	b6	60	Bc6	Bc6	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yu Zechen			Hong Junwon								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28.8.2026

Group B18
Round 8
Board 7

WHITE Yu Zechen						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Hong Junwon						FED KOR			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rd1	Rf8	41	Ne5	Kg7	61	Kd5	Bc6
2	Nf3	Nc6	22	Bf2	Bf2	42	Kg3	Bb7	62	Kc4	Be8
3	Bc4	Nf6	23	Kf2	Qg5	43	Ng4	Qe7	63	Kd4	Kc6
4	d3	Be7	24	Qd2	Qh4	44	f5	Qd6	64	Nc4	Kc7
5	c3	d5	25	Kg1	Bb5	45	Qd6	col	65	Nd6	Ba4
6	ed	Nd5	26	Qf2	Qg5	46	f6	Kh7	66	Nf7	g4
7	h3	O-O	27	f4	Qh5	47	h4	d5	67	Ne5	Bb3
8	O-O	Nb6	28	Nd2	Bd3	48	Ne5	dc	68	f7	
9	Bb5	Nb8	29	Nf3	Be4	49	bc	Kg8	69		
10	Re1	a6	30	Rd8	Rd8	50	Nd7	Bc6	70		
11	Ba4	Na4	31	Ng5	Rd1	51	Nb6	a5	71		
12	Qa4	Nd6	32	Rd1	Qd1	52	c5	Kf8	72		
13	Ne5	Ne5	33	Kh2	Bc6	53	Kf2	Ke8	73		
14	Re5	Bd6	34	Qa7	Qd8	54	g3	Kd8	74		
15	Re1	Bd7	35	Qe3	h6	55	Ke3	Kc7	75		
16	Qd1	Qf6	36	Nf3	Qd5	56	Kd4	Be8	76		
17	Be3	Qg6	37	b3	g6	57	Kd5	Bc6	77		
18	Kf1	Bc6	38	c4	Qe4	58	Kc4	g5	78		
19	f3	Rd8	39	Qd2	Kh7	59	i3	g	79		
20	Qc2	Bg3	40	a4	b6	60	Kd4	Be8	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Yu Zechen			Hong Junwon								

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28 August 2026

Group U18 Boys

Round 8

Board 8

WHITE Ren Yiba (1928)						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Lucas John Wee (1816)						FED SGP			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 g0	c5 89	21	h4 83	Qb6 61	41	Qe4 3	Qxe4 7	61		
2	Nf3 91	d6 89	22	Qe4 60	Rfe8 55	42	fxe4 3	Bf6 4	62		
3	d4 91	cx4 90	23	Qxe4 55	Bf8 52	43	ka3 3	kg7 3	63		
4	Nxd4 92	Nf6 90	24	b5 53	Bg7 52	44	ka4 3	Re8 3	64		
5	Nc3 92	a6 91	25	hxg6 53	hxg6 5	45	Bd5 1	Re7 2	65		
6	Be3 93	e5 91	26	Be4 53	b4 47	46	Rxe7 1	Bxe7 2	66		
7	Nb3 93	Be6 91	27	a4 38	b3 40	47	Kxa5 2	Kf6 3	67		
8	Qd2 93	Be7 92	28	c3 39	Rc4 40	48	Kb5 2	Ke5 3	68		
9	f3 94	Nbd7 92	29	Qxd6 37	Qd5 39	49	Kc6 2	Bg5 1	69		
10	g4 93	Qd7 92	30	Qd7 29	Rf8 21	50	c4 1	Bd2 1	70		
11	O-O 94	b5 93	31	Bxg6 23	Rxa4 21	51	c5 0	Kd4 0	71		
12	g5 94	Nh5 93	32	Bh7 23	Kh8 21	52	Kb6 0	f5 0	72		
13	Kb1 94	Nb6 93	33	Bc2 19	kg8 22	53	c6 1	Bf4 0	73		
14	Na5 94	Rc8 93	34	Bxb3 19	Rd1 21	54	exf5 1	Kxd5 1	74		
15	Q8 94	g6 78	35	Bc2 20	Rxd1 21	55	c7 1		75		
16	Nd5 93	Nxd5 71	36	Rxd1 8	Qxg5 21	56			76		
17	exd5 84	Bxd6 79	37	Kb1 7	Og6 17	57			77		
18	Qxd5 84	Qa5 79	38	Ka2 3	Qf6 16	58			78		
19	Bd3 85	Nf4 78	39	Qb7 3	Qf4 10	59			79		
20	Bxf4 85	exf4 78	40	Rd7 2	a5 8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.28.

Group U18

Round 8

Board 88

WHITE Ren Yiba						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Wee Ya Hong Lucas John						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	g1 90	c5 90	21	h4 83	Qb6 61	41	Qe4 3	Qe4 7	61		
2	Nf3 91	d6 89	22	Qe4 60	Rfe8 55	42	fxe4 3	Bf6 4	62		
3	d4 91	cx4 90	23	Qxe4 55	Bf8 52	43	ka3 3	kg7 3	63		
4	Nxd4 92	Nf6 90	24	b5 53	Bg7 52	44	ka4 3	Re8 3	64		
5	Nc3 92	a6 91	25	hxg6 53	hxg6 5	45	Bd5 1	Re7 2	65		
6	Be3 93	e5 91	26	Be4 53	b4 47	46	Rxe7 1	Bxe7 2	66		
7	Nb3 93	Be6 91	27	a4 38	b3 40	47	Kxa5 2	Kf6 3	67		
8	Qd2 93	Be7 92	28	c3 39	Rc4 40	48	Kb5 2	Ke5 3	68		
9	f3 94	Nbd7 92	29	Qxd6 37	Qd5 39	49	Kc6 2	Bg5 1	69		
10	g4 93	Qd7 92	30	Qd7 29	Rf8 21	50	c4 1	Bd2 1	70		
11	O-O 94	b5 93	31	Bxg6 23	Rxa4 21	51	c5 0	Kd4 0	71		
12	g5 94	Nh5 93	32	Bh7 23	Kh8 21	52	Kb6 0	f5 0	72		
13	Kb1 94	Nb6 93	33	Bc2 19	kg8 22	53	c6 1	Bf4 0	73		
14	Na5 94	Rc8 93	34	Bxb3 19	Rd1 21	54	exf5 1	Kxd5 1	74		
15	Q8 94	g6 78	35	Bc2 20	Rxd1 21	55	c7 1		75		
16	Nd5 93	Nxd5 71	36	Rxd1 8	Qxg5 21	56			76		
17	exd5 84	Bxd6 79	37	Kb1 7	Og6 17	57			77		
18	Qxd5 84	Qa5 79	38	Ka2 3	Qf6 16	58			78		
19	Bd3 85	Nf4 78	39	Qb7 3	Qf4 10	59			79		
20	Bxf4 85	exf4 78	40	Rd7 2	a5 8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group U16
Round 8
Board 9

WHITE Kholit.S.A						FED INA			RESULT(W) 1		
BLACK Kim Yubin						FED KOR			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	h2g6	f2g4	41	h6	Rh7	61		
2	Bf4	g6	22	Rh91	d4	42	Rh5	h2g4	62		
3	NC3	d5	23	Ne4	Rxe4	43	Rxe5	g2xh4	63		
4	e3	B32	24	f2e4	Qf2	44	Re4	Rh5	64		
5	Nb5	Nc6	25	Rxe4	Qd2	45	e5	Kf4	65		
6	NC3	Moo	26	Bd2	Kh7	46	Rf6	Ke3	66		
7	h4	h5	27	Reg1	Rf1	47	Rb6	Kf4	67		
8	Nf3	O-O	28	Rxf1	Kxg4	48	Rf6	Ke3	68		
9	Ne5	C5	29	Rd1	KP7	49	Rf7	b5	69		
10	Qd2	NC6	30	h5	Rh4	50	Kd6	~~Rd9~~	70		
11	Bb5	Bd2	31	Rf1	Ke4	51	ep	Rd5	71		
12	f3	Cx4	32	Rh1	Bh6	52	Ke2	a5	72		
13	exd4	Qb6	33	Bh4	Rxh4	53	a4	hcg	73		
14	O-O-O	Nxe5	34	Kd2	KPf	54	Rf3	Ke2	74		
15	dxe5	Bxb5	35	c3	dxc3	55	Kf7		75		
16	exf6	Qxf6	36	Kxc3	h95	56			76		
17	g4	Rac0	37	Kc4	Kg4	57			77		
18	Rd1	Bc6	38	Kd5	KF4	58			78		
19	gxh5	Qf5	39	g3	a6	59			79		
20	Bh6	e5	40	b3	Rh6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2025 9 29

Group U16
Round 8
Board 9

WHITE Kholit.S.A						FED INA			RESULT(W) 1		
BLACK Kim Yubin						FED KOR			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	h2g6	f2g4	41	h6	Rh7	61		
2	Bf4	g6	22	Rh51	d4	42	Rh5	Kf4	62		
3	NC3	d5	23	Ne4	Bxe4	43	Rxe5	Rd6	63		
4	e3	B32	24	f2e4	Qf2	44	Re6	Rh7	64		
5	Nb5	Na6	25	Rxg6	Qxd4	45	e5	Kf4	65		
6	NC3	Nb9	26	Bxd2	Kh7	46	Rf1	Ke3	66		
7	h4	h5	27	Reg1	Rf1	47	Rb6	Kf4	67		
8	Nf3	O-O	28	Rxf1	Kxg6	48	Rf5	Ke3	68		
9	Ne5	C5	29	Rd1	Kf7	49	Rf7	b5	69		
10	Qd2	NC6	30	h5	Rd6	50	Kd6	Kd4	70		
11	Bb5	Bd7	31	Rf1	Ke6	51	e6	Rd5	71		
12	f3	Cx4	32	Rh1	Bh6	52	Ken	a4	72		
13	exd4	Qb6	33	Bxh6	Rxh6	53	a4	Kc3	73		
14	O-O-O	Nxe5	34	Kd2	Kf6	54	Rf7	Kc2	74		
15	Kc5	Bxb5	35	c3	dxc4	55	Kf7		75		
16	exf6	Qxf6	36	Kxc3	Kb5	56			76		
17	g4	Rac8	37	Kc4	Kf4	57			77		
18	Rd1	Bc6	38	Kd5	Kf4	58			78		
19	gxh5	Qf5	39	a3	a6	59			79		
20	Bh6	e5	40	b9	Rh8	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			[Signature]					

B18-8-10
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.18

Group A18
Round 8
Board 10

WHITE Zheng, Haoxuan (Z)						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Muhammad Muzafar						FED BRU		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd7#		41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	c3	Nf6	23			43			63		
4	h3	e5	24			44			64		
5	Bd3	Be6	25			45			65		
6	Ng5	Be7	26			46			66		
7	Ne6	fe	27			47			67		
8	Qc2	d5	28			48			68		
9	Re1	c4	29			49			69		
10	Bc2	Qb6	30			50			70		
11	ed	Nd5	31			51			71		
12	Qh5	Kd7	32			52			72		
13	Qe5	Rf8	33			53			73		
14	Qf3	Bc5	34			54			74		
15	Rf1	Nf4	35			55			75		
16	Qg7	Kc8	36			56			76		
17	Kh1	Nd7	37			57			77		
18	Ba4	Nf6	38			58			78		
19	d4	cd	39			59			79		
20	Bf4	Nh5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zheng			Muzafar			JF					

B18-8-10
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 28/08

Group B18
Round 8
Board 10

WHITE Zhong Hauxuan (Z)						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Muhammad Muzafar, Muzafar						FED BRU		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	CS 1.20	21	Qd7		41			61		
2	Nf3	d6	22			42			62		
3	c3	Nf6 1.21	23			43			63		
4	h3	e5	24			44			64		
5	Bd3	Be6	25			45			65		
6	Ng5	Be7	26			46			66		
7	Nxe6	fxe6 1.22	27			47			67		
8	O-O	d5	28			48			68		
9	Re1	c4 1.22	29			49			69		
10	Bc2	Qb6 1.23	30			50			70		
11	exd5	Nxd5 1.22	31			51			71		
12	Qh5	Kd7 1.25	32			52			72		
13	Qxe5	Rf8 1.22	33			53			73		
14	Qg5	Bc5 1.23	34			54			74		
15	Rf1	Nf4 1.14	35			55			75		
16	Qg7	Kc8 1.13	36			56			76		
17	Kh1	Nd7 1.04	37			57			77		
18	Ba4	Nf6 st	38			58			78		
19	d4	cxd3 st	39			59			79		
20	Bxf4	Nh5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhong			Muzafar			JF					

B18-8-11

12:07

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

WHITE <i>Munkhzul, Munkhmanlai</i>						FED			RESULT (W)		
BLACK <i>扎那</i>						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	Rd8	41	a4	Ne4	61	Rc7	Ke8
2	Nf3	e6	22	Bg5	fb	42	h5	Nc4	62	BB	Rb6
3	d4	cd	23	Bf4	Rdd7	43	BP4	g5	63	Bas	Rb2
4	Nd4	Nf6	24	Bd6	Reb6	44	Bg3	h5	64	Ke1	Rb1
5	Nf5	Nc6	25	Rd5	Qd8	45	Rc7	ab	65		
6	Nd5	Bf4	26	Red1	Qe8	46	ab	fe7	66		
7	a3	Bc3	27	Nd5	e5	47	f5	Kf7	67		
8	Nc5	d5	28	Nc7	Re7	48	Nd5	bb	68		
9	ed	ed	29	Bc7	e2	49	bb	Nc6	69		
10	Bd3	O-O	30	Bc2	bc2	50	Pa1	Ke8	70		
11	O-O	Bg4	31	b4	ab	51	Rd1	Kf7	71		
12	Qd2	Re8	32	Qc3	Bd1	52	Rdb	Nat	72		
13	h3	Bh6	33	Bf5	Re4	53	Rd8	Nf4	73		
14	Qg3	Re5	34	Qeb	Qe6	54	Afep8	Nc6	74		
15	Qg3	Nc4	35	Rd1	eek	55	Kf2	Kg6	75		
16	Re4	de	36	Rd1	Qe5	56	Ra7	Kf7	76		
17	Bf4	Re8	37	Qb3	Kh8	57	Ra8	Kg6	77		
18	Re1	Bg6	38	Re7	Re6	58	Re2	Kf7	78		
19	Nb6	Re7	39	Qe8	Re1	59	Rc2	Nat	79		
20	Rd1	Qa5	40	Rb7	g8	60	Bab	Reb	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

B18

Round

8

Board

11

WHITE <i>Munkhmanlai</i>						FED			RESULT (W)		
BLACK <i>Cui Baiwen</i>						FED			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nc3	Rd8	41	Re8	Ne5	61	Rc9	Ke8
2	Nf3	e6	22	Bg5	fb	42	b5	Re5	62	Bb4	Rb6
3	d4	cd	23	Bf4	Rd7	43	Bf4	g5	63	Bas	Rb2
4	Nd4	Nf6	24	Bd6	Reb6	44	Bg3	h5	64	Ke1	Rb1
5	Nf5	Nc6	25	Rd5	Qd8	45	Bc7	ab	65	Re1	
6	Nb5	Bb4	26	Red1	Qe8	46	ab	Re7	66		
7	a3	Bc3	27	Nb5	e5	47	f5	Kf7	67		
8	Nc5	d5	28	Nc7	Re7	48	Ra7	Na5	68		
9	ed	ed	29	Bc7	e2	49	b5	Nc6	69		
10	Bd3	O-O	30	Re1	bc2	50	Ra1	Ke8	70		
11	O-O	Bg4	31	b4	ab	51	Rd1	Ke8	71		
12	Qd2	Re8	32	Qc3	Bd1	52	Rd6	Nb5	72		
13	h3	Bh6	33	Bf5	Re4	53	Rd8	h4	73		
14	Qg3	Re5	34	Be3	Qe6	54	Ra6	Nc6	74		
15	Qg3	Nc4	35	Rd1	ed	55	Kf2	Kg6	75		
16	Re1	de	36	Rd1	Qe5	56	Ra7	Kf7	76		
17	Bf4	Re8	37	Qb3	Kh8	57	Ra8	Kg6	77		
18	Rd1	Bg6	38	Rd7	Re6	58	Ra8	Kf7	78		
19	Nb5	Re7	39	Qe6	Re1	59	Rc2	Na5	79		
20	Rd1	Qa5	40	Rb7	g8	60	Bd6	Reb	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					